

Phụ lục
DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm Thông báo số 700/TB-BV.TMHH ngày 30 tháng 03 năm 2026)

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng/ Số lượng	Ghi chú
1.	Adapter sạc pin	Cái	2	
2.	Ambu bóp bóng	Bộ	5	<i>loại người lớn, có thể tái sử dụng</i>
3.	Ambu bóp bóng	Bộ	1	<i>loại trẻ em, có thể tái sử dụng</i>
4.	Ambu bóp bóng	Bộ	1	<i>loại sơ sinh, có thể tái sử dụng</i>
5.	Bàn đóng gói y dụng cụ chuyên dụng	Cái	6	
6.	Băng ca đẩy (thủy lực)	Cái	2	
7.	Bê điều nhiệt	Cái	1	
8.	Bìa đựng lam	Cái	30	
9.	Bình hút đàm	Cái	10	
10.	Bình làm ấm máy thở	Cái	10	
11.	Bình làm ấm oxy	Cái	250	
12.	Bóng đèn kính hiển vi huỳnh quang	Cái	5	
13.	Bóng đèn nội khí quản	Cái	10	<i>loại lớn</i>
14.	Bộ adapter	Cái	10	<i>dùng cho máy đo huyết áp điện tử</i>
15.	Bộ đặt sonde tĩnh mạch trung tâm (Bộ dụng cụ đặt sonde tĩnh mạch trung tâm)	Bộ	8	<ul style="list-style-type: none"> - Kẹp động mạch crile, mảnh, thẳng, dài 135-140mm: 05 cái - Kẹp động mạch crile, mảnh, cong, dài 135-140mm: 05 cái - Kéo phẫu tích metzenbaum, cong, mũi tù/tù, dài 175-180mm: 01 cái - Kéo phẫu tích, thẳng, mũi nhọn/nhọn, dài 115-120mm: 01 cái

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng/ Số lượng	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Cán dao mổ, số 3, dài 120-125mm: 01 cái - Cán dao mổ, số 4, dài 130-135mm: 01 cái - Kẹp cầm máu kocher-ochsner, cong, ngàm có răng 1x2, dài 180-185mm: 01 cái - Kẹp cầm máu kocher-ochsner, thẳng, ngàm có răng 1x2, dài 180-185mm: 01 cái - Que thăm dò, thẳng, mũi tròn, dài 135-140mm, đường kính mũi 3,30mm: 01 cái - Bánh vết thương farabeuf, loại nhỏ, hai đầu, dài 120-125mm, bộ 2 chiếc, kích thước 22 x 10mm, 25 x 10mm, 28 x 12mm, 32 x 12mm: 01 cái - Nhíp mô, ngàm có răng 1x2, dài 155-160mm: 01 cái - Nhíp mô, dài 155-160mm: 01 cái - Kẹp mang kim mayo-hegar, kiểu mảnh, cỡ vừa, thẳng, ngàm răng cưa có rãnh dọc, dài 180-185mm: 01 cái - Kẹp gấp bông băng foerster-ballenger, thẳng, dài 240-245mm: 01 cái - Kẹp sãng backhaus, dài 130-135mm: 03 cái - Chén inox đựng dung dịch, đường kính 70-74mm, dung tích 60-63 ml: 02 cái - Que thăm dò mayo,

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng/ Số lượng	Ghi chú
				<p><i>thăng, dễ uốn, dài 325-330mm, đường kính đầu 5mm: 01 cái</i></p> <p>- Vòng giữ dụng cụ có cán vòng mayo, vòng kép, dài 120-125mm: 01 cái</p> <p>- Hộp đựng và bảo quản dụng cụ:</p> <p>+ Nắp hộp đựng và bảo quản dụng cụ: 01 cái</p> <p>+ Đáy hộp đựng và bảo quản dụng cụ kích thước: 459-464 x 292-297x 81- 86mm: 01 cái</p> <p>+ Khay lưới đựng và bảo quản dụng cụ kích thước: 398-403 x 245-250 x 50-55mm: 01 cái</p> <p>+ Màn lọc có chỉ thị hơi nước sử dụng 1: 100 cái</p> <p>+ Nhãn nhận biết có ghi tên gắn cố định vào khay lưới và hộp đựng cụ: 02 cái</p> <p>+ Giá đỡ danh sách dụng cụ: 01 cái</p> <p>+ Miếng đệm silicon: 01 cái</p> <p>+ Khóa cài sử dụng 1 lần: 1000 cái</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc chứng nhận EU MDR (MDR 2017/745)</p>
16.	Bộ nhét meche (Bộ dụng cụ nhét meche)	Bộ	20	<p>- Kẹp động mạch crile, mảnh, cong, dài 135-140mm: 02 cái</p> <p>- Kéo phẫu thuật, loại chuẩn, thẳng, mũi</p>

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng/ Số lượng	Ghi chú
				<p>tù/tù, dài 140-145mm: 01 cái</p> <p>- Chén inox đựng dung dịch, đường kính 70-74mm, dung tích 60-63 ml: 01 cái</p> <p>- Khay đựng hình quả thận, dài 170mm, dung tích 245-250ml: 01 cái</p> <p>- Hộp đựng và bảo quản dụng cụ: Vật liệu: đáy hộp và nắp hộp được làm bằng chất liệu nhôm dày 2mm. Kích thước ngoài: 305 - 310 x 127-132 x 52-57mm, kích thước trong 270-274 x 120-126 x 50-52mm.</p> <p>Bao gồm:</p> <p>+ Nắp hộp + Đáy hộp: 01 cái</p> <p>+ Nhãn nhận biết có ghi tên: 02 cái</p> <p>+ Màn lọc dùng nhiều lần phù hợp với kích thước hộp: 01 cái</p> <p>+ Đệm giữ silicon làm khô ráo và chống va đập: 01 cái</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc chứng nhận EU MDR (MDR 2017/745)</p>
17.	Bộ phun khí dung	Bộ	6	dùng cho máy thở
18.	Bộ tiểu phẫu (Bộ dụng cụ tiểu phẫu)	Bộ	21	<p>- Chén inox chứa dung dịch, đường kính 70-74mm, dung tích 60-63 ml: 02 cái</p> <p>- Khay đựng hình hạt đậu, dài 170mm, dung tích 245-250ml: 01 cái</p>

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng/ Số lượng	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Cán dao mổ, số 4, dài 130-135mm: 01 cái - Nhíp mô, ngàm có răng 1x2, dài 155-160mm: 01 cái - Kéo phẫu thuật, loại thẳng, mũi tù/tù, dài 140-145mm: 01 cái - Kéo phẫu tích, thẳng, mũi nhọn/nhọn, dài 115-120mm: 01 cái - Kéo phẫu tích metzenbaum, cong, mũi tù/tù, dài 175-180mm: 01 cái - Kẹp động mạch crile, mảnh, cong, dài 135-140mm: 05 cái - Kẹp mang kim mayo-hegar, kiểu mảnh, cỡ vừa, thẳng ngàm răng cửa có rãnh dọc, dài 180-185mm: 01 cái - Vòng giữ dụng cụ có cán vòng mayo, vòng kép, dài 120-125mm: 01 cái - Hộp đựng và bảo quản dụng cụ: <ul style="list-style-type: none"> + Nắp hộp đựng và bảo quản dụng cụ: 01 cái + Đáy hộp đựng và bảo quản dụng cụ kích thước: 295-300 x 292-297 x 95-100mm: 01 cái + khay lưới đựng và bảo quản dụng cụ kích thước: 235-240 x 245-250 x 50-55mm: 01 cái + Màn lọc có chỉ thị

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng/ Số lượng	Ghi chú
				<p>hơi nước sử dụng 1 lần: 01 cái</p> <p>+ Nhãn nhận biết có ghi tên gắn cố định vào khay lưới và hộp dụng cụ: 02 cái</p> <p>+ Giá đỡ danh sách dụng cụ: 01 cái</p> <p>+ Miếng đệm silicon: 01 cái</p> <p>+ Khóa cài sử dụng 1 lần: 1000 cái</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc chứng nhận EU MDR (MDR 2017/745)</p>
19.	Bộ thay băng cắt chỉ (Bộ dụng cụ thay băng cắt chỉ)	Bộ	20	<p>- Kẹp động mạch crile, mảnh, cong, dài 135-140mm: 2 cái</p> <p>- Kéo phẫu thuật, loại chuẩn, thẳng, mũi tù/tù, dài 140-145mm: 01 cái</p> <p>- Chén inox đựng dung dịch, đường kính 70-74mm, dung tích 60-63 ml: 02 cái</p> <p>- Hộp đựng và bảo quản dụng cụ: Vật liệu: đáy hộp và nắp hộp được làm bằng chất liệu nhôm dày 2mm. Kích thước ngoài: 305-310 x 127-132 x 52-57mm, kích thước trong 270-274 x 120-126 x 50-52mm. Bao gồm:</p> <p>+ Nắp hộp + Đáy hộp: 01 cái</p> <p>+ Nhãn nhận biết có ghi tên: 02 cái</p>

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng/ Số lượng	Ghi chú
				<p>+ Màn lọc dùng nhiều lần phù hợp với kích thước hộp: 01 cái</p> <p>+ Đệm giữ silicon làm khô ráo và chống va đập: 01 cái</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc chứng nhận EU MDR (MDR 2017/745)</p>
20.	Bộ thông tiêu (Bộ dụng cụ thông tiêu)	Bộ	20	<p>- Kẹp động mạch crile, mảnh, cong, dài 135-140mm: 02 cái</p> <p>- Chén inox đựng dung dịch, đường kính 70-74mm, dung tích 60-63 ml: 02 cái</p> <p>- khay đựng hình hạt đậu, dài 170mm, dung tích 245-250ml: 01 cái</p> <p>- Hộp đựng và bảo quản dụng cụ: Vật liệu: đáy hộp và nắp hộp được làm bằng chất liệu nhôm dày 2mm. Kích thước ngoài: 305 - 310 x 127 - 132 x 52- 57mm, kích thước trong 270- 274 x 120- 126 x 50- 52mm. Bao gồm:</p> <p>+Nắp hộp + Đáy hộp: 01 cái</p> <p>+ Nhãn nhận biết có ghi tên: 02 cái</p> <p>+ Màn lọc dùng nhiều lần phù hợp với kích thước hộp: 01 cái</p> <p>+ Đệm giữ silicon làm khô ráo và chống va đập: 01 cái</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn FDA</p>

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng/ Số lượng	Ghi chú
				<i>hoặc chứng nhận EU MDR</i>
21.	Bồn xử lý dụng cụ	Cái	1	
22.	Bơm pipette tự động	Cái	6	
23.	Bơm tiêm điện	Cái	5	
24.	Bút viết lam kính ngòi kim cương	Cái	1	
25.	Cán dao số 3	Cái	10	
26.	Cán dao số 4	Cái	15	
27.	Cán đèn nội khí quản	Cái	2	
28.	Cáp đo ETCO2	Cái	3	<i>Tương thích với máy theo dõi người bệnh 6 thông số (Model: BSM - 3562)</i>
29.	Cân điện tử	Cái	1	
30.	Cân điện tử kỹ thuật	Cái	1	
31.	Cân sức khỏe điện tử	Cái	1	
32.	Cây truyền dịch	Cái	5	
33.	Dây đeo băng đô mặt nạ CPAP	Cái	10	
34.	Đèn đọc phim X-quang loại 2 phim	Cái	1	
35.	Đèn pin khám bệnh	Cái	5	
36.	Đồng hồ bấm giây	Cái	2	
37.	Ghế lấy máu cố định	Cái	10	
38.	Giá đựng ống nghiệm	Cái	10	
39.	Giá treo pipette	Cái	2	
40.	Giường lưu bệnh 2 tay quay + bàn ăn	Cái	9	
41.	Hệ thống monitor trung tâm kèm 20 máy theo dõi người bệnh 6 thông số	Cái	1	
42.	Hệ thống monitor trung tâm kèm 8 máy theo dõi người bệnh 6 thông số	Cái	1	
43.	Hệ thống nhuộm dán lame tự	Cái	1	

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng/ Số lượng	Ghi chú
	động			
44.	Hệ thống tự động tìm kiếm nhiễm sắc thể và quét mẫu mô bệnh học	Cái	1	
45.	Huyết áp kế đồng hồ	Cái	26	<i>người lớn</i>
46.	Huyết áp kế đồng hồ	Cái	2	<i>trẻ em</i>
47.	Kelly cong	Cái	60	
48.	Kelly thẳng	Cái	60	
49.	Kéo cắt chỉ chuyên dụng	Cái	50	
50.	Kéo inox	Cái	5	
51.	Kéo phẫu thuật (kéo cắt lọc)	Cái	50	
52.	Kèm vuốt dây túi máu tự động	Cái	3	
53.	Kiểm kẹp kim	Cái	10	
54.	Kính hiển vi có camera bắt hình nhiễm sắc thể	Cái	1	
55.	Kính lọc ánh sáng cho KHV Olympus BX 51 (AQUA)	Cái	1	
56.	Kính lọc ánh sáng cho KHV Olympus BX 51 (DAPI)	Cái	1	
57.	Kính lọc ánh sáng cho KHV Olympus BX 51 (FUSION)	Cái	1	
58.	Kính lọc ánh sáng cho KHV Olympus BX 51 (GREEN)	Cái	1	
59.	Kính lọc ánh sáng cho KHV Olympus BX 51 (ORANGE)	Cái	1	
60.	Khuôn đúc mô trên cassette	Cái	10	
61.	Lưỡi đèn đặt nội khí quản	Cái	3	<i>số 0</i>
62.	Lưỡi đèn đặt nội khí quản	Cái	9	<i>số 1</i>
63.	Lưỡi đèn đặt nội khí quản	Cái	6	<i>số 2</i>
64.	Lưỡi đèn đặt nội khí quản	Cái	25	<i>số 3</i>
65.	Lưỡi đèn đặt nội khí quản	Cái	15	<i>số 4</i>
66.	Lưỡi đèn đặt nội khí quản (ánh sáng lạnh)	Cái	6	
67.	Mask NCP	Cái	5	

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng/ Số lượng	Ghi chú
68.	Máy chiết tách các thành phần máu tự động (máy ép huyết tương tự động)	Cái	5	
69.	Máy điện tim	Cái	1	
70.	Máy đo huyết áp điện tử	Cái	17	
71.	Máy đo nhiệt độ hồng ngoại	Cái	2	
72.	Máy đo pH	Cái	1	
73.	Máy đo SPO2 (Máy đo SPO2 cầm tay)	Cái	6	
74.	Máy giám sát vệ sinh bề mặt	Cái	1	
75.	Máy giúp thở cao cấp	Cái	2	
76.	Máy hàn dây túi máu (Máy hàn dây túi máu cố định)	Cái	18	
77.	Máy hàn dây túi máu di động	Cái	6	
78.	Máy hấp tiệt trùng	Cái	2	≥ 50 lít
79.	Máy hút lấy mẫu không khí	Cái	1	
80.	Máy khuấy gia tốc nhiệt	Cái	1	
81.	Máy lắc cân túi máu	Cái	10	
82.	Máy lắc mẫu	Cái	1	
83.	Máy lắc ủ nhiệt	Cái	1	
84.	Máy ly tâm lạnh tube máu	Cái	2	tube 5ml
85.	Máy ly tâm lạnh túi máu	Cái	3	loại 16 túi
86.	Máy ly tâm Spindown	Cái	2	
87.	Máy ly tâm tube máu	Cái	1	tube 5ml
88.	Máy ly tâm tube máu	Cái	2	tube 15ml và 50ml
89.	Máy nối dây vô trùng	Cái	2	
90.	Máy phun khí dung	Cái	1	di động
91.	Máy siêu âm di động 3 đầu dò	Cái	1	
92.	Máy siêu âm doppler màu ≥ 4 đầu dò	Cái	1	
93.	Máy theo dõi người bệnh 3 thông số	Cái	3	
94.	Máy theo dõi người bệnh 4 thông số	Cái	8	

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng/ Số lượng	Ghi chú
95.	Máy theo dõi người bệnh 6 thông số	Cái	2	
96.	Máy theo dõi thông số người bệnh (chuyên dùng cho phòng MRI)	Cái	1	
97.	Máy theo dõi thông số người bệnh 6 thông số chuyên dùng cho phòng CT-Scanner	Cái	1	
98.	Máy trộn (Vortex)	Cái	3	
99.	Máy truyền chế phẩm máu	Cái	19	
100.	Máy truyền dịch	Cái	49	
101.	Máy vi tính có phần mềm phân tích Nhiễm sắc thể Ikaros	Cái	1	
102.	Máy X quang KTS di động	Cái	2	
103.	Máy xử lý mô kín tự động hoàn toàn	Cái	1	
104.	Máy rửa khử khuẩn dụng cụ 02 cửa	Cái	1	
105.	Micropipette loại 1 kênh	Cái	5	loại 20 - 200 μ l
106.	Micropipette loại 8 kênh	Cái	2	loại 30 - 300 μ L
107.	Micropipette loại 8 kênh	Cái	2	loại 10 - 100 μ L
108.	Micropipette loại 8 kênh	Cái	1	loại 0.5 - 10 μ L
109.	Micropipette loại 8 kênh	Cái	1	loại 10 - 100 μ L
110.	Nẹp cổ người bệnh	Cái	1	size L
111.	Nhiệt kế điện tử	Cái	2	
112.	Nhiệt kế hồng ngoại	Cái	5	
113.	Nhíp có máu	Cái	10	
114.	Nhíp không máu	Cái	10	
115.	Ống nghe 2 mặt	Cái	7	
116.	Pin tấm IP máy chụp XQ di động DR	Cái	1	
117.	Tủ an toàn sinh học cấp II	Cái	2	
118.	Tủ bảo quản tiểu cầu kèm máy lắc loại 128 túi	Cái	1	

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng/ Số lượng	Ghi chú
119.	Tủ bảo quản tiêu cầu kèm máy lắ loại 15 túi	Cái	1	
120.	Tủ hút khí độc	Cái	1	
121.	Tủ lạnh âm (-40°C)	Cái	3	≥ 400 lít
122.	Tủ lạnh âm (-80°C)	Cái	2	≥ 400 lít
123.	Tủ trữ máu (loại 2°C đến 6°C)	Cái	3	620 lít
124.	Tủ trữ máu (loại 2°C đến 6°C)	Cái	2	1633 lít
125.	Tủ trữ thuốc, hóa chất (2-8°C) ≥ 450 lít	Cái	3	
126.	Thiết bị chứa mẫu trong nito lỏng	Cái	1	≥ 18 lít
127.	Thiết bị đo độ còn	Cái	1	
128.	Thiết bị đo và theo dõi nhiệt độ bằng wifi	Cái	53	
129.	Thiết bị ghi nhiệt độ	Cái	21	
130.	Thùng vận chuyển huyết tương, kết tủa chuyên dụng	Cái	1	
131.	Thùng vận chuyển khối hồng cầu chuyên dụng	Cái	2	
132.	Thùng vận chuyển máu chuyên dụng	Cái	14	<i>nhiệt độ từ 20-24 độ C và dung tích chứa tối thiểu 20 túi máu</i>
133.	Thùng vận chuyển tiêu cầu chuyên dụng	Cái	1	
134.	Xe đẩy người bệnh	Cái	2	
135.	Xe đẩy y dụng cụ chuyên dụng	Cái	1	